róng wéi yī tǐ

融为一体

verb phrase · merge into one

Example Sentences

Liǎng zhǒng wén huà zài zhè lǐ róng wéi yī tǐ
两 种 文 化 在 这 里 融 为 一 体。

The two cultures merge into one here.

Tā de shè jì jiāng chuán tǒng yǔ xiàn dài róng wéi yī tǐ
他 的 设 计 将 传 统 与 现 代 融 为 一 体。

His design merges tradition and modernity into one.

Trace each character, then write the word on your own.

融 融 融 融 融 融 融 融 融 融 融

融 融 融 融 融 融 融 融

为 为 为 为 为 为 为

一 一 一 一

体 体 体 体 体 体 体 体 体 体